

Số: /UBND-TCKH

Bạch Thông, ngày tháng 6 năm 2024

V/v đơn đốc kiểm kê thử nghiệm  
tài sản công, tài sản kết cấu hạ tầng.

Kính gửi:

- Các đơn vị sử dụng ngân sách huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các đơn vị trường học thuộc huyện.

Thực hiện Văn bản số 1225/STC-QLCS ngày 17/6/2024 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn về việc kiểm kê thử nghiệm tài sản công, tài sản kết cấu hạ tầng; Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 07/6/2024 của UBND huyện Bạch Thông về triển khai kiểm kê thử nghiệm tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn (*sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị*) thực hiện kiểm kê thử nghiệm tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý như sau:

**1. Thời điểm chốt số liệu kiểm kê thử nghiệm: Ngày 01/5/2024.**

**2. Chỉ tiêu, biểu mẫu kiểm kê thử nghiệm, cách thức tổng hợp kết quả kiểm kê thử nghiệm:** Thực hiện theo phụ lục kèm theo văn bản này.

**Trong đó:** Căn cứ tài sản hiện có được giao quản lý, sử dụng; sổ sách kế toán theo dõi và các hồ sơ, tài liệu có liên quan, các cơ quan, đơn vị thực hiện kiểm kê theo hướng dẫn đã được tập huấn, thực hiện hoàn thành các Mẫu Biên bản kiểm kê và các Mẫu báo cáo kiểm kê theo mục I, II Phụ lục kèm theo. Mẫu biểu được cập nhật tại đường dẫn theo mã QR code tại Phụ lục, các cơ quan, đơn vị nhập thông tin về tài sản của đơn vị đang theo dõi trên sổ kế toán vào các biểu mẫu tương ứng tại folder có tên “2007 Themdonvi” (các mẫu biểu có tên “Template\_01”; “Template\_02”; ... “Template\_19”).

Các đơn vị thực hiện đầy đủ các mẫu biểu có liên quan đến các loại tài sản cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng.

**3. Thời gian báo cáo, tổng hợp kết quả và hoàn thành kiểm kê thử nghiệm:**

Đề nghị các đơn vị thực hiện kiểm kê đối với các tài sản thuộc phạm vi quản lý của huyện, gửi báo cáo về các cơ quan đầu mối tổng hợp, cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo tổng kiểm kê cấp huyện, **chậm nhất ngày 24/6/2024** để rà soát, kiểm tra, tổng hợp. Các cơ quan đầu mối tổng hợp báo cáo gửi về UBND huyện qua Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện **trong ngày**

**25/6/2024.** Sau thời hạn trên, các cơ quan, đơn vị không có báo cáo hoặc báo cáo không đảm bảo số liệu theo biểu mẫu yêu cầu thì Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tự chịu trách nhiệm trước UBND huyện.

**Lưu ý:**

- Sau khi các cơ quan, đơn vị hoàn thành nội dung công việc tại mục 3.1, 3.2 nêu trên, Sở Tài chính sẽ tiếp tục có văn bản hướng dẫn về việc chuyển dữ liệu từ các Mẫu biểu lên phần mềm tổng hợp kết quả kiểm kê của Bộ Tài chính và tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định.

- Trong quá trình nhập dữ liệu vào các Mẫu biểu, trường hợp có nội dung đề xuất kiến nghị sửa đổi, bổ sung đối với các chỉ tiêu, biểu mẫu kiểm kê thì đề nghị các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi UBND huyện (*qua phòng Tài chính - Kế hoạch huyện*) để tổng hợp báo cáo Sở Tài chính **trước ngày 24/6/2024.**

*(Có Phụ lục kèm theo)*

Với nội dung trên, UBND huyện đề nghị các cơ quan, đơn vị khẩn trương thực hiện./.

***Nơi nhận:***

*Gửi bản điện tử:*

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện;
- Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện;
- Lưu: VT, THKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Kiệt**

**PHỤ LỤC  
HƯỚNG DẪN CHỈ TIÊU KIỂM KÊ, CÁCH THỨC**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM KÊ THỦ NGHIỆM**  
(Kèm theo Công văn số /UBND-TCKH ngày /6/2024 của UBND  
huyện Bạch Thông)

**I. Mẫu Biên bản kiểm kê:**

1. Mẫu số 01-BB/TSCĐ: Biên bản kiểm kê tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
2. Mẫu số 02-BB/HTĐB: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
3. Mẫu số 03-BB/HTĐSQG: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt quốc gia.
4. Mẫu số 04-BB/HTĐSDT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt đô thị.
5. Mẫu số 05-BB/HTĐT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
6. Mẫu số 06-BB/HTHK: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông hàng không.
7. Mẫu số 07-BB/HTHH: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông hàng hải.
8. Mẫu số 08-BB/HTNS: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.
9. Mẫu số 09-BB/HTTL: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.
10. Mẫu số 10-BB/HTTMC: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ.
11. Mẫu số 11-BB/HTCCN: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.
12. Mẫu số 12-BB/HTKCN: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.
13. Mẫu số 13-BB/HTKKT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu kinh tế.
14. Mẫu số 14-BB/HTKCNC: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao (bao gồm cả khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).
15. Mẫu số 15-BB/HTTTTT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung.
16. Mẫu số 16-BB/HTĐĐ: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều.
17. Mẫu số 17-BB/HTCC: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá.
18. Mẫu số 18-BB/HTVHTT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, làng văn hóa.
19. Mẫu số 19-BB/HTKTC: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật là không gian xây dựng ngầm đô thị.

**II. Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê:**

1. Mẫu số 01a-BC/TSCĐ, 01b-BC/TSCĐ, 01c-BC/TSCĐ: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
2. Mẫu số 02a-BC/HTĐB, 02b-BC/HTĐB, 02c-BC/HTĐB: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
3. Mẫu số 03a-BC/HTĐSQG, 03b-BC/HTĐSQG: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt quốc gia.
4. Mẫu số 04a-BC/HTĐSĐT, 04b-BC/HTĐSĐT: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt đô thị.
5. Mẫu số 05a-BC/HTĐTNĐ, 05b-BC/HTĐTNĐ, 05c-BC/HTĐTNĐ: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
6. Mẫu số 06a-BC/HTHK, 06b-BC/HTHK: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông hàng không.
7. Mẫu số 07a-BC/HTHH, 07b-BC/HTHH, 07c-BC/HTHH: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông hàng hải.
8. Mẫu số 08a-BC/HTNS, 08b-BC/HTNS, 08c-BC/HTNS: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.
9. Mẫu số 09a-BC/HTTL, 09b-BC/HTTL, 09c-BC/HTTL: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.
10. Mẫu số 10a-BC/HTTMC, 10b-BC/HTTMC, 10c-BC/HTTMC: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ.
11. Mẫu số 11a-BC/HTCCN, 11b-BC/HTCCN, 11c-BC/HTCCN: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.
12. Mẫu số 12a-BC/HTKCN, 12b-BC/HTKCN, 12c-BC/HTKCN: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.
13. Mẫu số 13a-BC/HTKKT, 13b-BC/HTKKT, 13c-BC/HTKKT: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu kinh tế.
14. Mẫu số 14a-BC/HTKCNC, 14b-BC/HTKCNC, 14c-BC/HTKCNC: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao (bao gồm cả khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).
15. Mẫu số 15a-BC/HTTTTT, 15b-BC/HTTTTT, 15c-BC/HTTTTT: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung.
16. Mẫu số 16a-BC/HTĐĐ, 16b-BC/HTĐĐ, 16c-BC/HTĐĐ: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều.
17. Mẫu số 17a-BC/HTCC, 17b-BC/HTCC, 17c-BC/HTCC: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá.
18. Mẫu số 18a-BC/HTVHTT, 18b-BC/HTVHTT, 18c-BC/HTVHTT: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, làng văn hóa.
19. Mẫu số 19a-BC/HTKTC, 19b-BC/HTKTC, 19c-BC/HTKTC: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật là không gian xây dựng ngầm đô thị.

**Các đơn vị, địa phương cập nhật mẫu biểu báo cáo tại đường dẫn theo mã QR code dưới đây:**



### **III. Xác định chỉ tiêu về giá trị tài sản tại các mẫu, biểu tại Mục I, Mục II:**

1. Đối với các tài sản đang được theo dõi trên sổ kế toán thì xác định giá trị tài sản theo nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán tại thời điểm kiểm kê.

2. Đối với tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì đối tượng thực hiện kiểm kê có trách nhiệm căn cứ vào các hồ sơ liên quan đến tài sản để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản như sau:

2.1. Đối với tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm có hồ sơ xác định giá mua và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

b) Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành từ đầu tư xây dựng có hồ sơ xác định giá xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

c) Đối với tài sản cố định hữu hình không có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng của tài sản đó nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng (Văn bản liên quan đến nghiệm thu, đưa tài sản vào sử dụng; Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản; nguyên giá của tài sản tương đương đã hạch toán;...) thì nguyên giá được xác định theo quy định tại điểm a2 khoản 5 Điều 6 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

d) Đối với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất thì nguyên giá được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính

đ) Đối với tài sản cố định vô hình không phải là quyền sử dụng đất: Trường hợp có căn cứ (Hóa đơn, chứng từ, phê duyệt dự toán, quyết toán,...) để xác định được chi phí hình thành tài sản cố định vô hình thì nguyên giá được xác định là toàn bộ các chi phí hình thành tài sản cố định vô hình đó.

e) Giá trị còn lại của tài sản đã xác định nguyên giá theo các điểm a, b, c, d, đ được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

2.2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (trừ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ), thủy lợi:

a) Nguyên giá được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính.

b) Giá trị còn lại của tài sản đã xác định nguyên giá theo điểm a được xác định như sau:

$$\text{Giá trị còn lại của tài sản} = \text{Nguyên giá tài sản xác định theo điểm a} \times \left( 1 - \frac{\text{Thời gian đã sử dụng của tài sản (năm)}}{\text{Thời gian tính hao mòn của tài sản cùng loại theo quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính (năm)}} \right)$$

2.3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Nguyên giá được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 35/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ Tài chính.

b) Giá trị còn lại được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 35/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ Tài chính.

2.4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Nguyên giá được xác định theo quy định tại điểm a1, điểm a2 khoản 5 Điều 5 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ Tài chính.

b) Giá trị còn lại được xác định theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ Tài chính.

2.5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng khác:

a) Đối với tài sản có hồ sơ xác định giá xây dựng của tài sản đó và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá được xác định theo giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. Trường hợp đã hoàn thành nghiệm thu nhưng chưa có quyết toán thì xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trị thẩm định quyết toán;
- Giá trị đề nghị quyết toán;
- Giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B;
- Giá trị theo hợp đồng hoặc hợp đồng điều chỉnh lần gần nhất đã ký kết;
- Giá trị tổng mức đầu tư hoặc dự toán dự án được phê duyệt hoặc dự toán dự án được điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

b) Đối với tài sản không có hồ sơ xác định giá xây dựng của tài sản đó nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá xây dựng mới của tài sản tương đương (về quy mô, cấp độ kỹ thuật) tại thời điểm đưa tài

sản vào sử dụng thì nguyên giá của tài sản được xác định bằng giá xây dựng mới của tài sản tương đương.

c) Giá trị còn lại của tài sản đã xác định nguyên giá theo điểm a, điểm b được xác định như sau:

$$\text{Giá trị còn lại của tài sản} = \text{Nguyên giá tài sản xác định theo điểm a, điểm b} \times \left[ 1 - \frac{\text{Thời gian đã sử dụng của tài sản (năm)}}{\text{Thời gian tính hao mòn của tài sản theo Phụ lục kèm theo Công văn này (năm)}} \right]$$

3. Đối với tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo điểm 2 Mục này thì xác định nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản là 1 đồng. Trường hợp các tài sản này có đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt mà dự án đó hoàn thành nghiệm thu từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2024 thì bổ sung thêm cột “Giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo” vào sau cột “Giá trị còn lại” tại các Biên bản kiểm kê và Báo cáo kết quả kiểm kê để ghi nhận các giá trị này. Giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo ghi nhận là giá trị theo quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp đã hoàn thành nghiệm thu nhưng chưa có quyết toán thì xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trị thẩm định quyết toán;
- Giá trị đề nghị quyết toán;
- Giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B;
- Giá trị theo hợp đồng hoặc hợp đồng điều chỉnh lần gần nhất đã ký kết;
- Giá trị tổng mức đầu tư hoặc dự toán dự án được phê duyệt hoặc dự toán dự án được điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

4. Nguyên giá và giá trị còn lại xác định theo hướng dẫn tại điểm 2 Mục III này được sử dụng để phục vụ việc tổng kiểm kê và làm căn cứ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện hạch toán tài sản theo quy định. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định nguyên giá, giá trị còn lại theo hướng dẫn tại điểm 3 Mục này thì sau khi hoàn thành việc kiểm kê, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại tài sản để quản lý, theo dõi, hạch toán theo quy định.

---